

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dân.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu; ông Bùi Văn Ôn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn
- tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:** ông Trần Tú Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐ -HPT ngày 15/11/2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993; Cư trú tại: xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hoà Bình - *Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- **Bị đơn:** anh Bùi Văn S, sinh năm 1990. Cư trú tại: xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hoà Bình - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S kết hôn với nhau ngày 21/11/2010 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống hàng ngày rất căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với Anh S nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là cháu Bùi Trí Q, sinh ngày

04/06/2012 và cháu Bùi Hồng A, sinh ngày 22/8/2017. Hiện cháu Q đang học lớp 7, cháu A đang học lớp 2 và trình bày nguyện vọng của các cháu được ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn nên chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q, cháu A để tạo điều kiện cho con sinh sống và học tập ổn định. Chị H chưa yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

3. Về tài sản; Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về công nợ chung: chị H khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Văn S: Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng không hợp tác, Anh S vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ngày ngày 22/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn S và lời khai của bà Bùi Thị Yêm và ông Bùi Văn Nghiễm (là bố, mẹ đẻ anh Bùi Văn S) cho biết:*

Anh Bùi Văn S và chị Bùi Thị H kết hôn ngày 21/11/2010, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không có, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ là rất khó và đã sống ly thân.

Về con chung: Anh S và chị H có 02 con chung là cháu Bùi Trí Q, sinh ngày 04/06/2012 và cháu Bùi Hồng A, sinh ngày 22/8/2017. Hiện nay các cháu lúc thì ở với mẹ lúc thì ở cùng ông bà nội tại xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Về sự có mặt/vắng mặt của anh Bùi Văn S tại nơi cư trú: Anh Bùi Văn S đi làm ăn xa thì thoảng về và hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

****Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị H và Anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Anh S, chị H có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu của chị H là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản: chị H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy :

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn”. Bị đơn là anh Bùi Văn S có hộ khẩu thường trú tại xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hoà Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hoà giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thoả thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị H và Anh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là Anh Bùi Văn S đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Anh S và chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và Anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và Anh S không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hoà. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa Anh S, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: chị H và Anh S có 02 con chung là cháu Bùi Trí Q, sinh ngày 04/06/2012 và cháu Bùi Hồng A, sinh ngày 22/8/2017. Hiện cháu Q đang học lớp 7, cháu A đang học lớp 2 trường cấp 1, 2 xã N và trình bày nguyện vọng của cháu

Q, cháu A được ở với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q, cháu A để tạo điều kiện cho con sinh sống và học tập ổn định. Chị H chưa yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Quá trình xác minh tại địa phương tại nơi cư trú của Anh S, chị H (xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình) cho thấy: Tại biên bản xác minh Anh S, chị H có mâu thuẫn gia đình và Anh S đã bỏ đi để sống ly thân với chị H. Xét về yếu tố nuôi con chị H có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần giao cháu Quyết, cháu Anh cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81 Luật HN&GD năm 2014.

[3.1] *Về yêu cầu nuôi con*: Hội đồng xét xử thấy, dù Anh S vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, không có văn bản gửi đến Tòa thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con; ý kiến của 02 con chung là được ở với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q, cháu A. Kết quả xác minh tại địa phương chị H có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự; Căn cứ các Điều 81; 82; 83 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần giao cháu Q, cháu A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q, cháu Anh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật HN&GD năm 2014.

[3.2] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị H chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; kết quả xác minh tại địa phương cho thấy Anh S có đầy đủ điều kiện nuôi con do đó HĐXX chấp nhận và chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật HN&GD năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4]. *Về tài sản*: chị H khai không yêu cầu giải quyết; *Về công nợ chung*: chị H khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật HN&GD năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với anh Bùi Văn S về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cụ thể:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn S.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Trí Q, sinh ngày 04/06/2012 và cháu Bùi Hồng A, sinh ngày 22/8/2017 cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 11/2024 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H chưa yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản; Công nợ chung:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002379 ngày 01/10/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị H không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lò Văn Dân